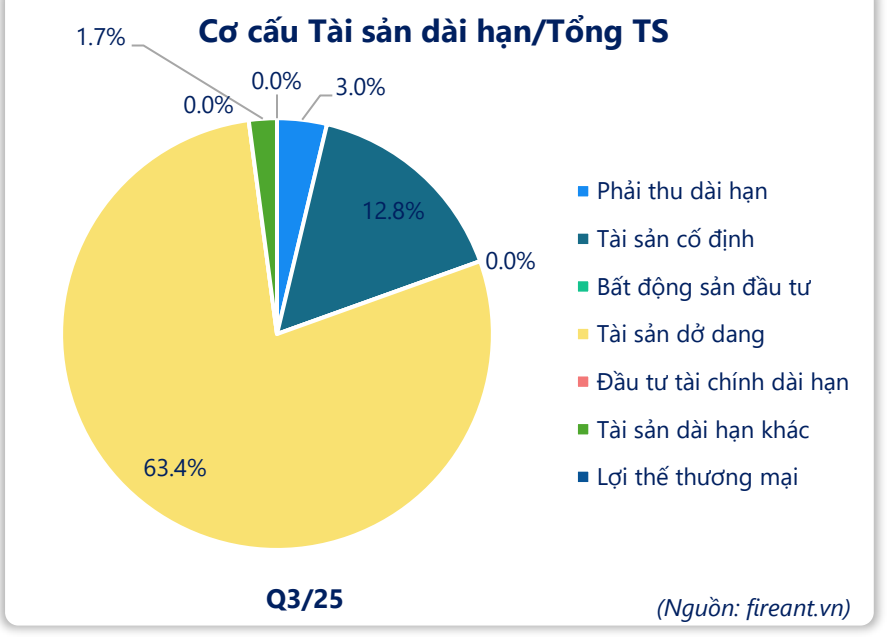
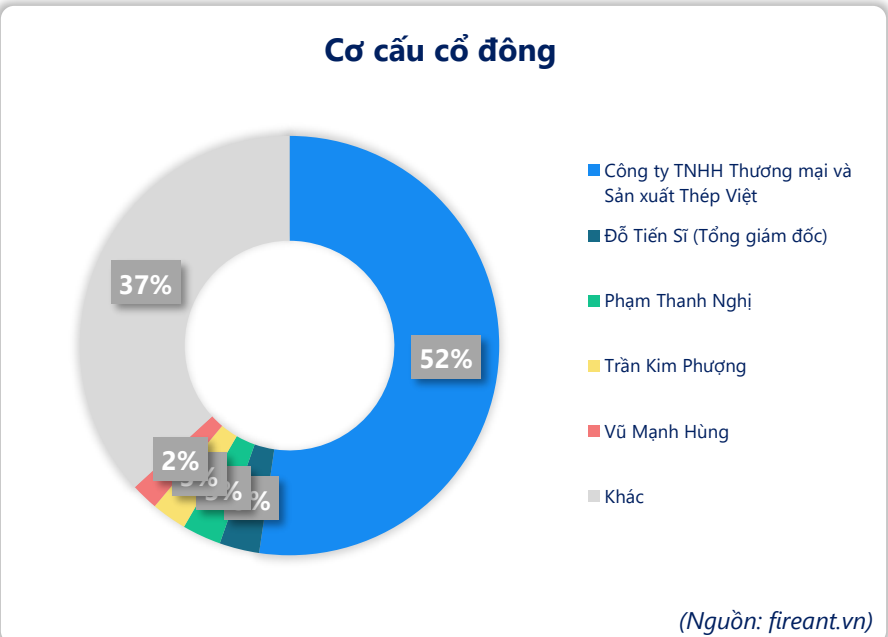
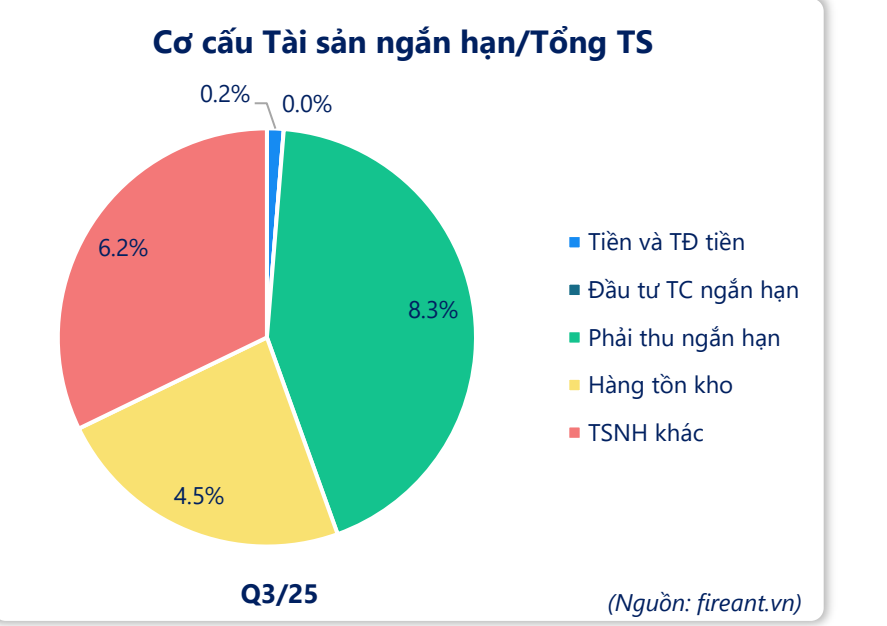
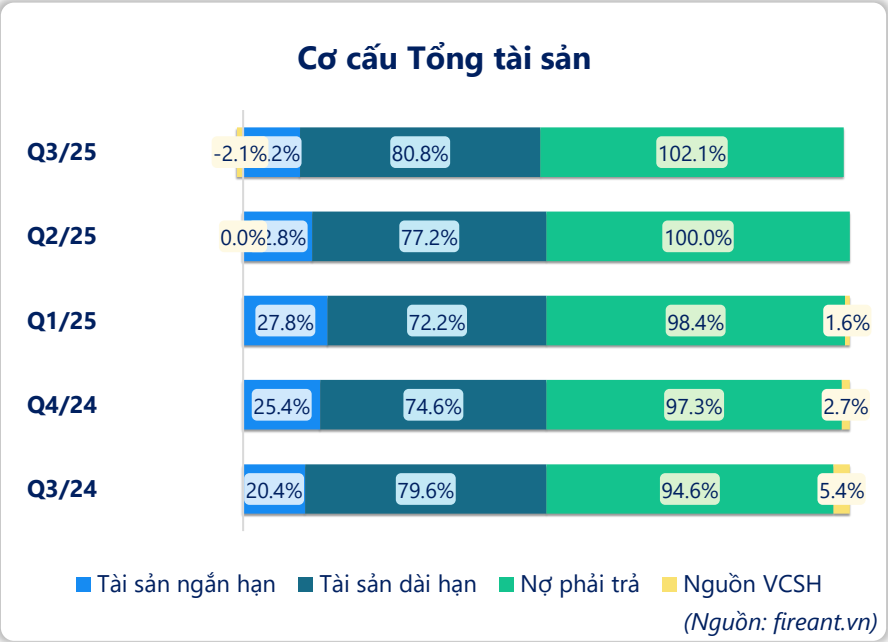
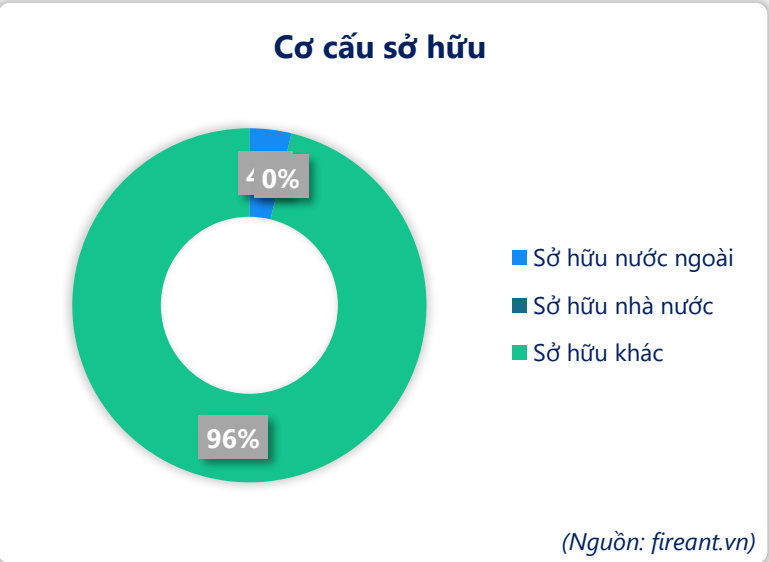
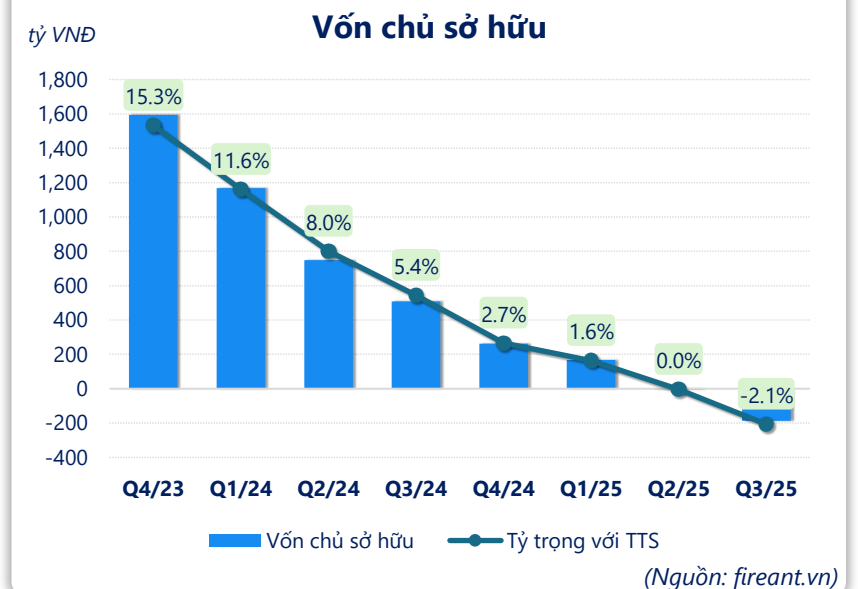
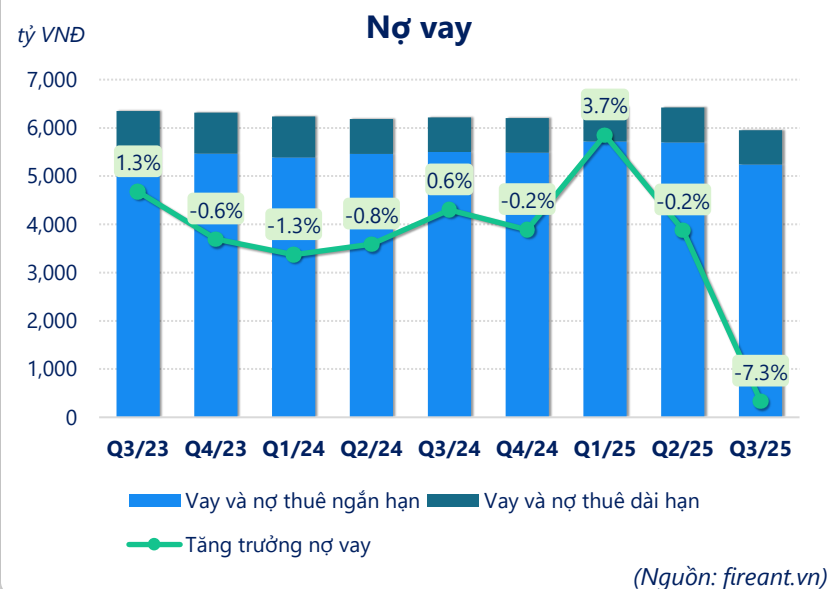
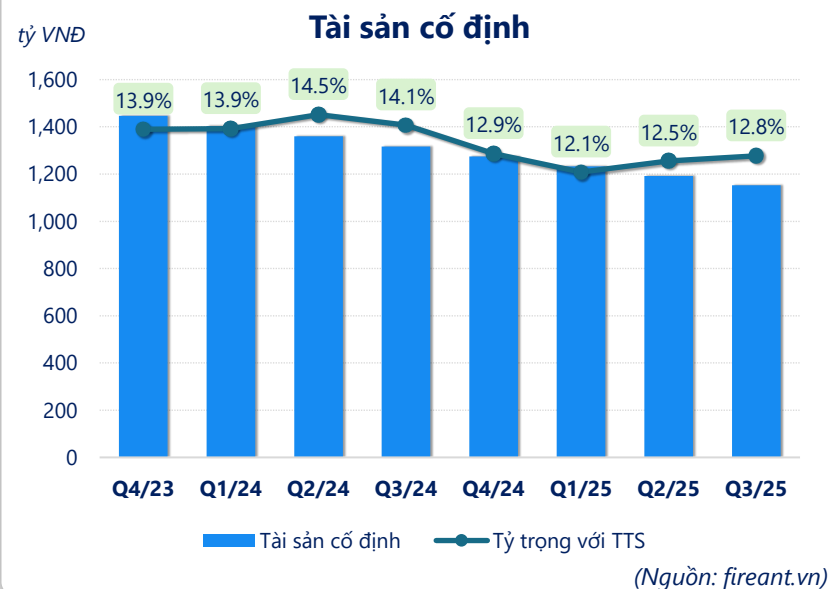
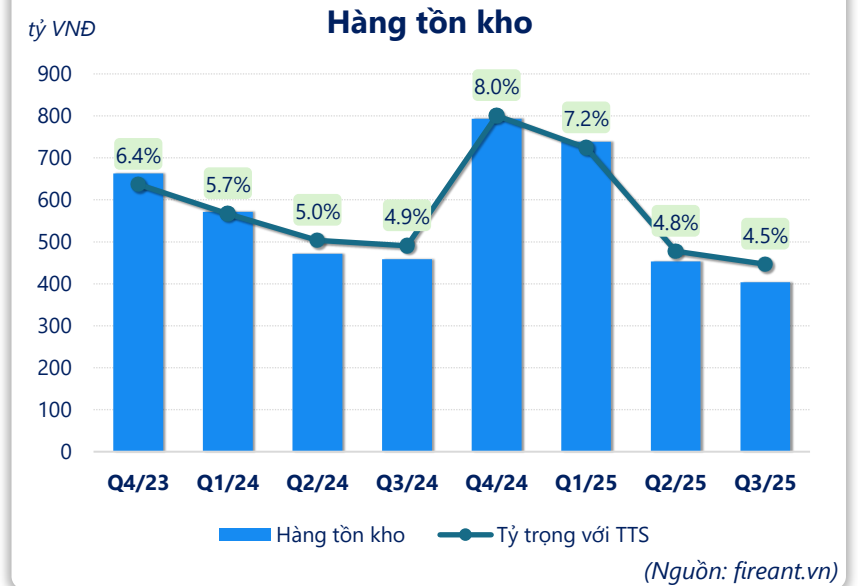
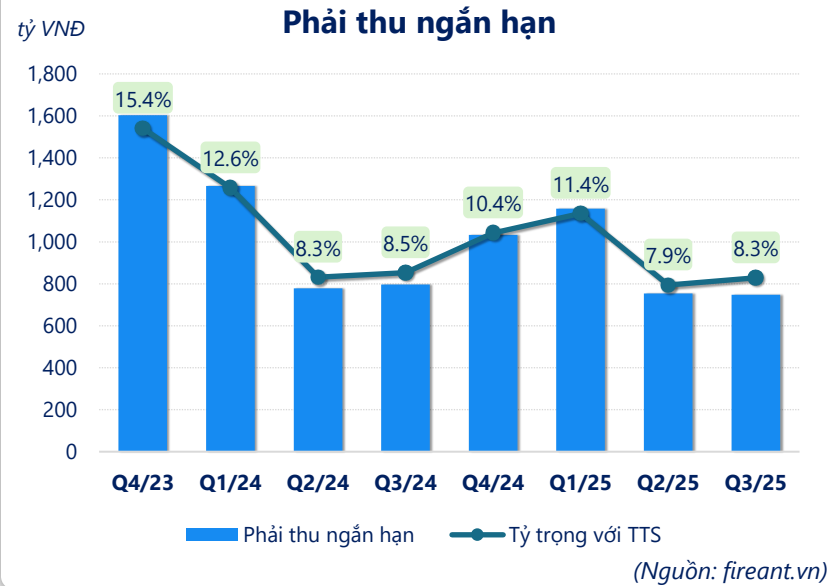
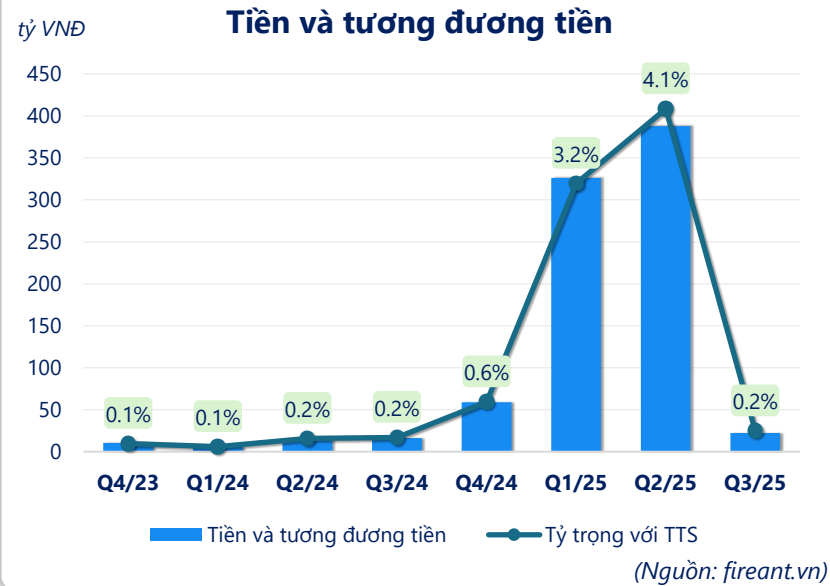
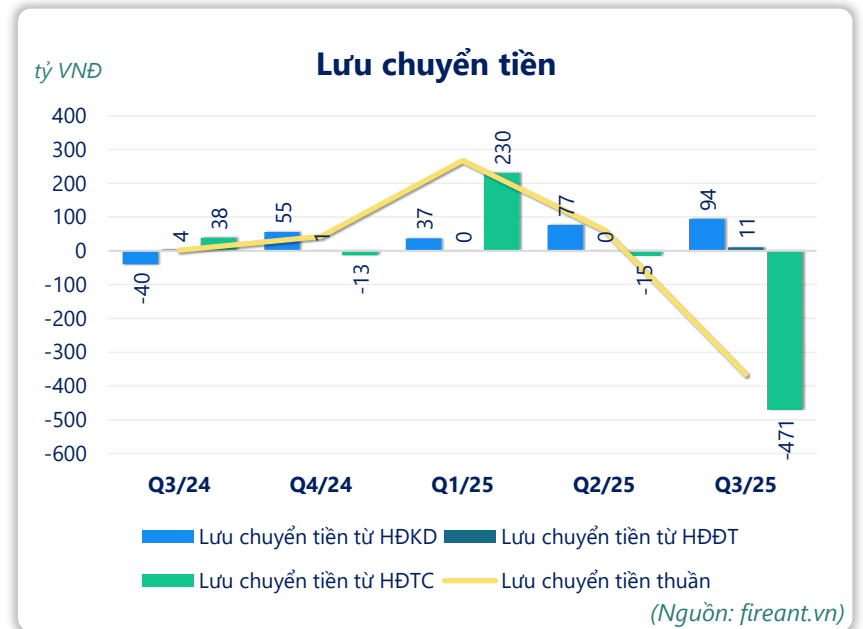
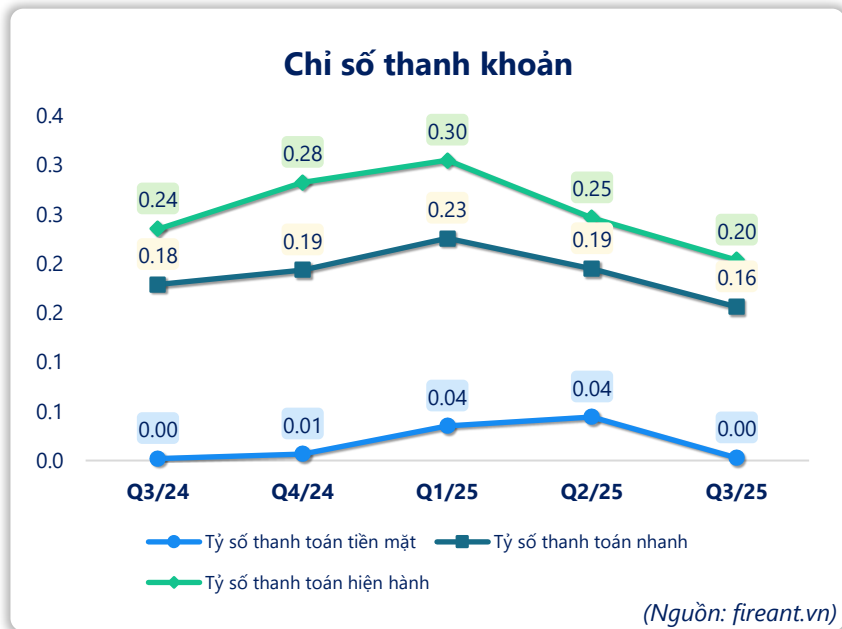
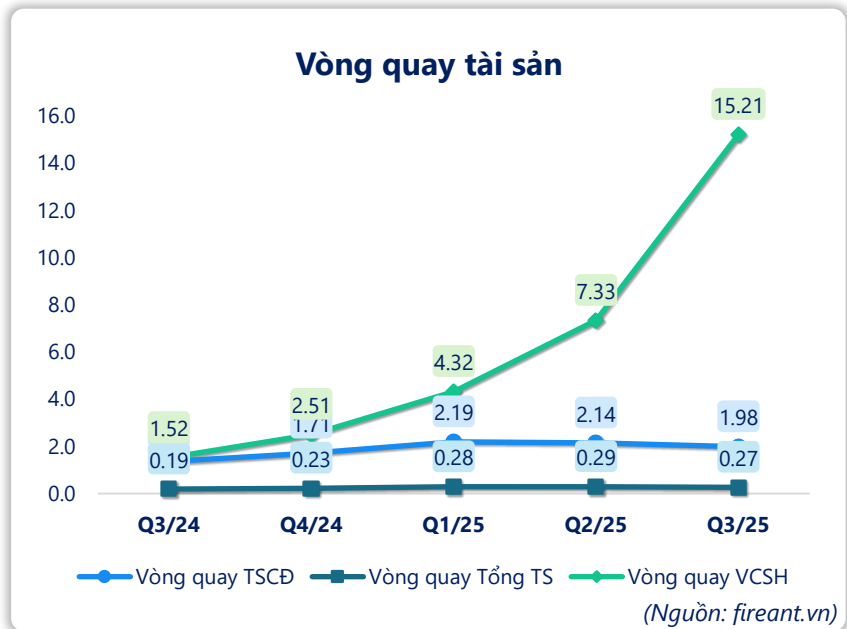
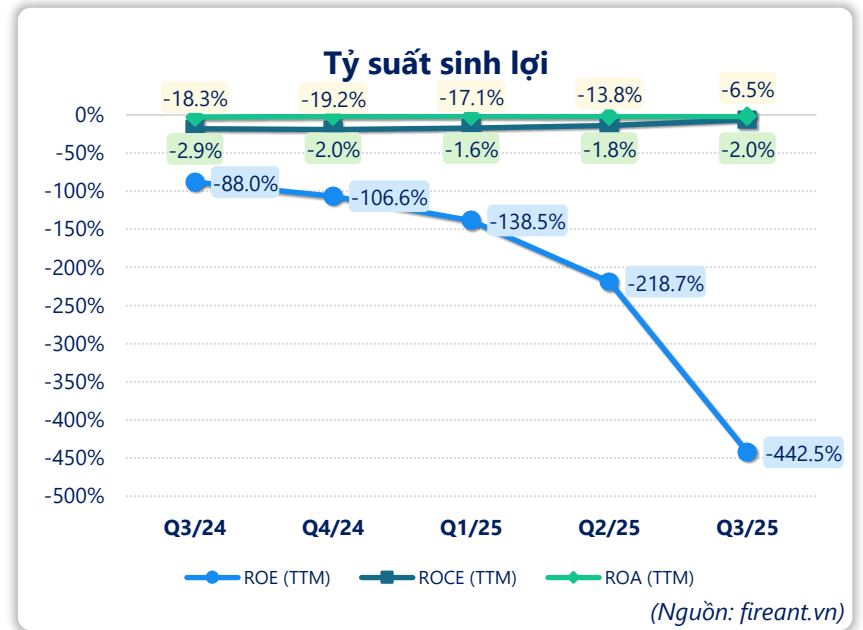
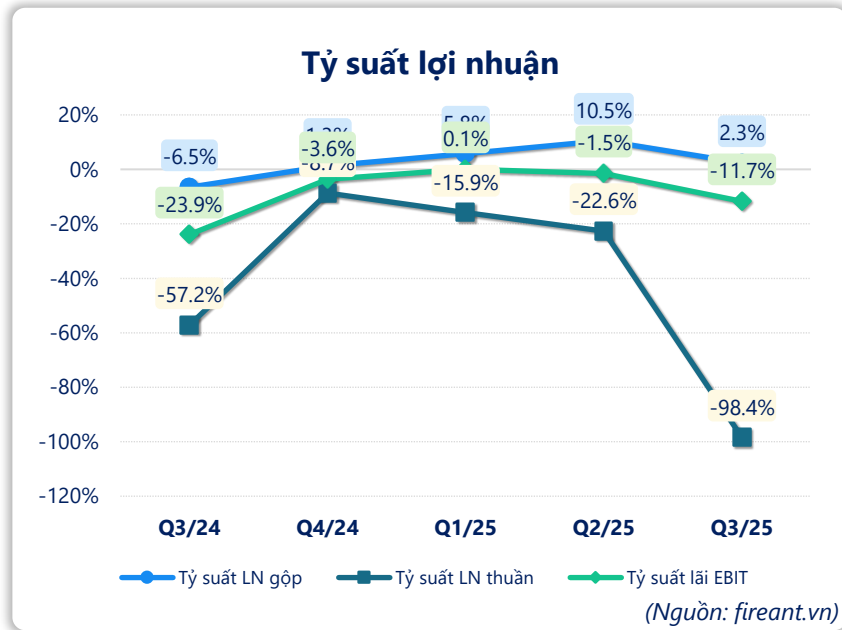
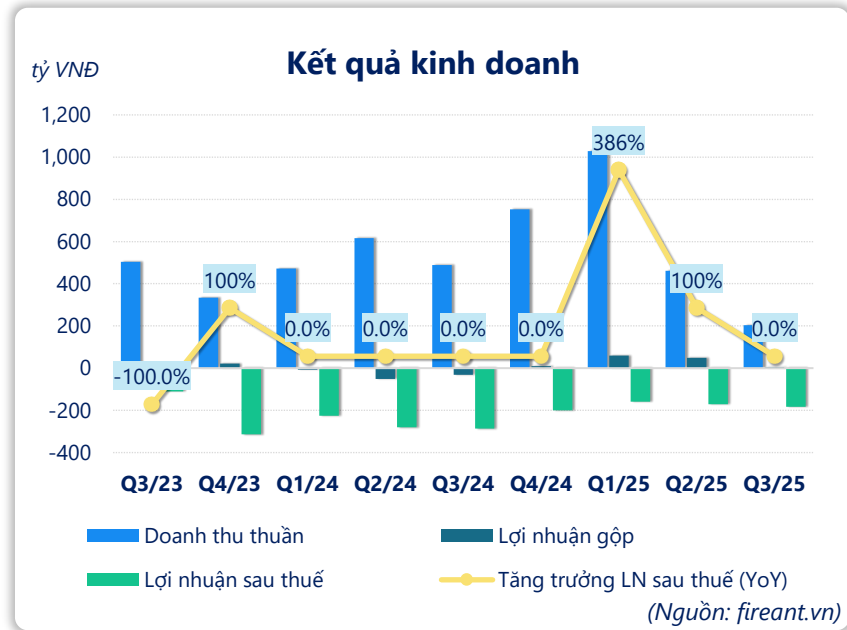


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		278,543,546
KLGD BQ 20 phiên (CP)		286,840
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		501
P/E		-0.7
EPS		-2,555

	YTD	1T	3T	6T
POM	-18.2%	-10.0%	20.0%	-10.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	9,032	9,904	-8.8%
Tài sản ngắn hạn	1,731	2,519	-31.3%
Tiền và tương đương tiền	22.4	58.8	-61.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	748	1,032	-27.5%
Hàng tồn kho	403	793	-49.1%
Tài sản ngắn hạn khác	557	635	-12.3%
Tài sản dài hạn	7,302	7,385	-1.1%
Phải thu dài hạn	272	272	0.0%
Tài sản cố định	1,153	1,274	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5,724	5,723	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	10.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	153	106	44.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,219	9,641	-4.4%
Nợ ngắn hạn	8,508	8,922	-4.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,238	5,486	-4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,561	2,331	-33.1%
Nợ dài hạn	712	719	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	712	719	-1.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-187	263	-171%
Vốn chủ sở hữu	-187	263	-171%
Vốn điều lệ	2,797	2,797	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	488	752	1,029	462	203
Giá vốn hàng bán	520	742	969	413	198
Lợi nhuận gộp	-31.9	9.64	59.8	48.7	4.69
Doanh thu HĐTC	7.60	-6.88	0.09	0.41	0.73
Chi phí TC	206	147	176	165	159
Chi phí lãi vay	169	172	159	163	159
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.49	0.15	0.38	0.46	0.32
Chi phí QLDN	45.1	-78.5	47.1	-12.2	45.5
LN thuần từ HĐKD	-279	-65.4	-163	-104	-200
Lợi nhuận khác	-6.82	-135	5.20	-65.8	17.0
LN trước thuế	-286	-200	-158	-170	-183
Lợi nhuận sau thuế	-286	-200	-159	-170	-183
LNST của CĐ cty mẹ	-286	-200	-159	-170	-182

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-40.3	55.5	37.3	76.7	94.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.61	0.71	0.06	0.19	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	38.3	-13.5	230	-15.0	-471
Tiền đầu kỳ	14.8	16.0	58.8	326	388
Lưu chuyển tiền thuần	1.66	42.7	267	61.9	-366
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.48	0.06	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.0	58.8	326	388	22.4

(Nguồn: fireant.vn)